

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03 tháng 01 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2009 của Chính phủ sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 66/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 7 năm 2006 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 800/QĐ-TTg ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010- 2020;

Căn cứ Quyết định số 2561 /QĐ-BNN- KTHT ngày 23 tháng 9 năm 2010 giao nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2010-2020;

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề với những nội dung chủ yếu sau đây:

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Bảo tồn và phát triển làng nghề trên cơ sở phát triển hài hoà giữa sản xuất hàng hoá với bảo vệ môi trường và gìn giữ, phát huy giá trị văn hoá truyền thống theo hướng bảo tồn để phát triển và phát triển để bảo tồn.

- Bảo tồn và phát triển làng nghề phải kết hợp phát triển hài hoà các cơ sở ngành nghề quy mô vừa và nhỏ, đa dạng hoá các hình thức tổ chức sản xuất kinh doanh trong

các làng nghề, chú trọng phát triển các hợp tác xã, doanh nghiệp nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn ở làng nghề.

- Bảo tồn và phát triển làng nghề trên cơ sở phát huy sự tham gia của cộng đồng gắn liền với quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, từng bước hình thành các thị trấn, thị tứ và phát triển nông thôn mới.

- Bảo tồn và phát triển làng nghề phải gắn với thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế, đẩy mạnh xuất khẩu, phù hợp phát triển kinh tế xã hội và phát huy lợi thế so sánh của mỗi vùng, mỗi địa phương, góp phần tạo việc làm, tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo, giảm dần khoảng cách thu nhập giữa thành thị và nông thôn.

2. Mục tiêu

2.1 Mục tiêu chung

Mục tiêu của Chương trình Bảo tồn và Phát triển làng nghề là phát triển làng nghề, ngành nghề, dịch vụ, thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn, xoá đói giảm nghèo, tạo việc làm, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2.2 Mục tiêu cụ thể

a) Phần đầu đến năm 2015 đạt:

- Thu nhập tăng từ các hoạt động phi nông nghiệp từ 2- 4 lần so với sản xuất thuần nông;

- Tỷ lệ xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ hàng năm tăng 15-17%, đạt kim ngạch 1,5 tỷ USD;

- Giảm thiểu ô nhiễm môi trường ở các làng nghề, đặc biệt là các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, sản xuất thủ công mỹ nghệ, kim khí...;

- Bảo tồn 30- 40 làng nghề truyền thống theo hướng vào bảo tồn các làng nghề truyền thống, nghề truyền thống của đồng bào dân tộc...

- Phát triển 50-70 làng nghề mới và làng nghề gắn với du lịch; chú trọng phát triển nghề truyền thống, làng nghề mới ở những nơi bị thu hồi đất nông nghiệp, khu vực người dân tộc thiểu số...

b) Phần đầu đến năm 2020 đạt:

- Tỷ lệ lao động nông thôn được đào tạo nghề: 80%;

- Tỷ lệ xuất khẩu hàng thủ công mỹ nghệ hàng năm tăng 17-20%, đạt kim ngạch 2,0-2,5 tỷ USD;

- Không còn hộ nghèo tại các làng nghề;
- Cơ bản giải quyết vấn đề ô nhiễm môi trường làng nghề;
- Bảo tồn 455 làng nghề truyền thống;
- Phát triển 300 làng nghề phát triển mới và làng nghề du lịch.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

1. Bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống

a) Khôi phục, bảo tồn các làng nghề truyền thống từ lâu đời đang có nguy cơ bị mai một, thất truyền

- Đối với những làng nghề đang trong quá trình suy vong và có khả năng mất đi, xác định bảo tồn là chính, coi đó là tài sản văn hoá quốc gia; tiến hành điều tra, xác định và xây dựng dự án để duy trì một vài hộ hoặc nhóm hộ nghề, nghệ nhân hoạt động “trình diễn” nghề nhằm phục vụ yêu cầu du lịch, văn hoá.

- Đối với những làng nghề có khó khăn, phát triển theo hướng sản xuất sản phẩm đơn chiếc (đặc trưng), có giá trị kinh tế và hàm lượng văn hoá cao làm hàng dân dụng, phổ thông, hàng phục vụ du lịch.

- Tăng cường công tác thu thập, bảo tồn và lưu giữ tư liệu về giá trị truyền thống của làng nghề, hỗ trợ xây dựng các phòng và nhà trưng bày, bảo tàng nghề, làng nghề thủ công mỹ nghệ, khu trình diễn nghề truyền thống; xây dựng các trung tâm đào tạo nghề, trung tâm xúc tiến thương mại sản phẩm hàng thủ công mỹ nghệ...

- Chuyển đổi một số ngành nghề, làng nghề khó khăn về thị trường thông qua sự hỗ trợ về vốn đầu tư, đào tạo nghề, tổ chức sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, tạo điều kiện cho các làng nghề được phục hồi và phát triển.

b) Những làng nghề phát triển mạnh, có sự lan toả sang các khu vực lân cận

- Khôi phục sản xuất tại những làng nghề đã và đang bị mai một nhưng trên thị trường có nhu cầu; chú trọng một số nghề truyền thống, làng nghề truyền thống có từ lâu đời, mang đậm bản sắc văn hoá dân tộc.

- Phát triển mạnh các nghề truyền thống, làng nghề truyền thống, chú trọng phát triển những sản phẩm có kim ngạch xuất khẩu lớn và giá trị kinh tế cao; khuyến khích sự lan toả, cấy nghề truyền thống ra vùng xung quanh và đẩy mạnh hỗ trợ phát triển sản phẩm mới.

- Quan tâm phát triển các làng nghề chế biến lương thực, thực phẩm, chú trọng sản xuất các mặt hàng có chất lượng cao, mẫu mã đẹp, phù hợp với nhu cầu và thị hiếu của người tiêu dùng.

- Sử dụng công nghệ truyền thống kết hợp áp dụng cơ khí hoá một số công đoạn sản xuất thủ công mà không ảnh hưởng đến giá trị nghệ thuật, thẩm mỹ và giá trị truyền thống của sản phẩm.

c) Những làng nghề phát triển cầm chừng, không ổn định

- Khuyến khích và tạo điều kiện cho các nghệ nhân, thợ tay nghề cao và các cơ sở sản xuất làm một số loại sản phẩm cao cấp, đáp ứng thị hiếu khách hàng.

- Chú trọng bảo tồn một số công nghệ cổ truyền tinh xảo, độc đáo và có hướng đổi mới, phát triển công nghệ tiên tiến, hiện đại phù hợp với sản xuất tại các làng nghề.

d) Bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống của các dân tộc

- Nghiên cứu, ban hành hệ thống chính sách đồng bộ về bảo tồn và phát triển làng nghề truyền thống ở vùng đồng bào dân tộc.

- Tiến hành điều tra, khảo sát các nghề thủ công truyền thống và xây dựng, thực hiện Dự án bảo tồn và phát triển nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc.

- Hỗ trợ việc chuyển giao công nghệ, cải tiến mẫu mã, kiểm tra chất lượng sản phẩm; tìm kiếm thị trường trong và ngoài nước thông qua các hội chợ, triển lãm giới thiệu sản phẩm, cung cấp thông tin thị trường.

- Xây dựng các làng thủ công mỹ nghệ truyền thống nhằm lưu giữ, trưng bày, trình diễn, nghiên cứu các nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc.

2. Phát triển làng nghề gắn với du lịch

a) Hướng phát triển làng nghề gắn với du lịch

- Thực hiện quy hoạch và xây dựng các tuyến, điểm du lịch gắn với làng nghề trong cả nước và ở từng địa phương; đánh giá tình hình khai thác, tổ chức quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh, hiện trạng quy hoạch, kiến trúc và hạ tầng cơ sở.

- Xây dựng kế hoạch đầu tư, nâng cấp và phát triển làng nghề gắn với các tuyến, điểm du lịch.

- Hỗ trợ các làng nghề khôi phục, phát triển các nghề truyền thống, hoạt động văn hoá dân gian, xây dựng môi trường du lịch văn hoá, cải thiện cơ sở hạ tầng kết hợp bảo vệ môi trường du lịch sinh thái.

b) Phát triển làng nghề gắn với các tuyến du lịch

- Tập trung quảng bá về các làng nghề, sản phẩm làng nghề, cơ sở, hộ sản xuất và các nghệ nhân của làng nghề nằm trong các tuyến du lịch.

- Tổ chức các tuyến du lịch làng nghề kết hợp với các tuyến du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, du lịch về cội nguồn, du lịch nông nghiệp và các tuyến du lịch khác.

- Xây dựng mới và nâng cấp các tuyến du lịch làng nghề đã có.

c) Phát triển làng nghề gắn với các điểm du lịch

- Ưu tiên phát triển hạ tầng, bảo vệ môi trường, xúc tiến thương mại, chính sách đối với nghệ nhân, vay vốn ưu đãi, chính sách khuyến khích nghiên cứu, sáng tạo mẫu sản phẩm... tại các làng nghề gắn với điểm du lịch.

- Hỗ trợ hoạt động tuyên truyền, phổ biến, vận động người dân trong làng thực hiện quy định về vệ sinh môi trường; xây dựng công trình thu gom và xử lý chất thải; ứng dụng công nghệ mới ít gây ô nhiễm môi trường.

- Phát triển các cửa hàng bán đồ lưu niệm tại làng nghề; tổ chức các khu vực tập trung các cửa hàng bán sản phẩm của làng nghề.

- Xây dựng các xưởng, khu sản xuất đủ điều kiện làm điểm du lịch để tổ chức tham quan cho du khách trong và ngoài nước.

- Đầu tư phát triển các điểm làng nghề gắn với du lịch.

3. Phát triển làng nghề mới, phân đầu thực hiện mỗi làng một nghề

a) Đối với những làng đã có nghề

- Khôi phục, bảo tồn, lưu giữ nét văn hoá truyền thống trong sản phẩm, bí quyết nghề, đồng thời thiết kế những sản phẩm mới phù hợp với thị trường, nâng cao khả năng sản xuất và tiêu thụ sản phẩm.

- Xây dựng kế hoạch, dự án để thúc đẩy phát triển nhân rộng ra nhiều hộ trong làng; tăng cường liên kết với các doanh nghiệp để cải tiến mẫu mã, cung cấp vốn và thông tin thị trường; đào tạo nâng cao năng lực quản lý kinh doanh của các chủ cơ sở sản xuất...

b) Đối với các làng chưa có nghề phi nông nghiệp

- Thúc đẩy phát triển ngành nghề phi nông nghiệp với hình thức du nhập phát triển nghề thông qua việc học tập, phổ biến, lan tỏa từ các làng nghề truyền thống, làng nghề đã có sản phẩm trên thị trường.

- Xây dựng các dự án khôi phục nghề cũ (nếu có), chú trọng phát triển các loại hình dịch vụ phục vụ sản xuất và đời sống nông thôn.

- Những làng nghề mới cần hướng tập trung vào phát triển các ngành nghề chế biến nông lâm thủy sản, công nghệ bảo quản sau thu hoạch và sản xuất sản phẩm cơ khí phục vụ sản xuất nông nghiệp; ưu tiên chế biến các sản phẩm sạch.

c) Phát triển, kết hợp các loại hình kinh tế và tổ chức sản xuất, kinh doanh

- Phát triển mối liên kết giữa doanh nghiệp xuất khẩu với gia công bán thành phẩm ở các làng nghề.

- Khuyến khích mở rộng quy mô, tập trung vốn, tạo mặt bằng sản xuất thuận lợi trong các khu/cụm công nghiệp ngành nghề tại địa phương

- Thu hút liên doanh, liên kết, góp vốn, xúc tiến hình thành các công ty, xí nghiệp, hoặc các tổ chức kinh tế cổ phần.

d) Định hướng phát triển một số làng nghề mới

- Phát triển làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ

- Phát triển làng nghề bảo quản, chế biến nông lâm thủy sản, gây trồng và kinh doanh sinh vật cảnh

- Phát triển nghề cơ khí nhỏ ở nông thôn

- Phát triển dịch vụ ở nông thôn

III. NGUỒN VỐN

1. Nhà nước tạo cơ sở pháp lý khuyến khích sự tham gia của người dân, các thành phần kinh tế, các tổ chức trong và ngoài nước, chú trọng thực hiện lồng ghép với các Chương trình, dự án khác để đầu tư bảo tồn và phát triển làng nghề. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách nhà nước hàng năm (ngân sách trung ương và ngân sách địa phương, vốn ODA), đóng góp của người dân và các nguồn vốn hợp pháp khác.

Trước mắt, cần sắp xếp thứ tự ưu tiên, lựa chọn một số dự án có ý nghĩa quan trọng trong bảo tồn và phát triển các làng nghề làm thí điểm để tổng kết, rút kinh nghiệm cho việc xây dựng và triển khai Chương trình trên toàn quốc.

2. Căn cứ vào kế hoạch hàng năm, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện Chương trình Bảo tồn và phát triển làng nghề để bố trí trong dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định hiện hành.

3. Ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề. Đối với các tỉnh khó khăn về nguồn thu ngân sách, ngân sách trung ương hỗ trợ một phần trong dự toán hàng năm. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể của từng địa phương có cơ chế hỗ trợ các dự án bảo tồn, phát triển làng nghề, ngành nghề nông thôn trên địa bàn.

4. Nguồn vốn thực hiện Dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và ngành nghề nông thôn, Dự án Bảo tồn và Phát triển làng nghề truyền thống theo phương châm "mỗi làng một sản phẩm" thực hiện theo hướng dẫn của Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới và các văn bản hướng dẫn thi hành.

IV. CÁC GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Về quy hoạch

a) Khẩn trương xây dựng quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn theo hướng đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp và nông thôn, phát triển các làng nghề, cụm công nghiệp/cơ sở ngành nghề nông thôn, hình thành các thị trấn, thị tứ mới ở nông thôn.

b) Chương trình bảo tồn và phát triển làng nghề được xây dựng, triển khai thực hiện phải phù hợp với quy hoạch phát triển ngành nghề nông thôn, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của địa phương và cả nước, trong đó chú trọng bảo tồn và phát triển làng nghề, vùng nghề gắn với quy hoạch vùng nguyên liệu và bảo vệ môi trường.

c) Đối với quy hoạch vùng nguyên liệu cho các nghề thủ công, bao gồm vùng nguyên liệu quốc gia và vùng nguyên liệu địa phương; triển khai xây dựng quy hoạch và có kế hoạch đầu tư, gây dựng các loại giống cây nguyên liệu có chất lượng cao cung cấp cho các làng nghề.

d) Thực hiện lồng ghép các chương trình, dự án phát triển kinh tế xã hội ở Trung ương và địa phương, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân được hưởng lợi cùng tham gia vào quá trình lập và thực hiện các chương trình, dự án theo phương châm dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra.

2. Về chính sách hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng, xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề và đất đai

a) Ngân sách Nhà nước hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và xử lý môi trường cho các làng nghề; ưu tiên các làng nghề sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ, các tuyến điểm phát triển làng nghề gắn với du lịch.

b) Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng

c) Áp dụng chính sách ưu tiên đối với các dự án bảo tồn và phát triển làng nghề khi di dời ra khỏi khu dân cư đến địa điểm quy hoạch.

d) Thực hiện các chính sách ưu đãi trong thuế đất, chuyển nhượng, thế chấp, quyền về sử dụng đất; giá thuê đất ở mức thấp nhất và miễn tiền thuê đất cho các cơ sở ngành nghề nông thôn, đặc biệt là nghề thủ công truyền thống của đồng bào dân tộc và các nghề thủ công mỹ nghệ truyền thống cần phải bảo tồn.

3. Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

a) Khuyến khích Nghệ nhân trực tiếp mở lớp truyền nghề; các lớp đào tạo thợ lành nghề, giáo viên dạy nghề và người thiết kế mẫu trong các làng nghề và hoạt động tư vấn phát triển sản phẩm.

b) Lao động nông thôn trong lĩnh vực ngành nghề nông thôn được áp dụng chính sách đào tạo nghề theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27 tháng 11 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020”.

c) Phát triển nguồn nhân lực thông qua công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ quản lý cấp xã, làng, bản và đào tạo, dạy nghề cho lao động nông thôn, tổ chức giao lưu học hỏi kinh nghiệm trong nước và quốc tế. Mỗi địa phương có chế độ ưu đãi để thu hút các nghệ nhân, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi tham gia vào phát triển ngành nghề, làng nghề.

d) Nhà nước khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các nghệ nhân, chuyên gia nước ngoài truyền dạy nghề, kinh nghiệm, bí quyết sản xuất các nghề thủ công mỹ nghệ.

e) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh và hộ gia đình tham gia vào sản xuất, kinh doanh lĩnh vực ngành nghề nông thôn được vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm.

g) Xây dựng chính sách phong tặng danh hiệu Nghệ nhân, làng nghề truyền thống, nghề truyền thống; hàng năm tổ chức trao giải “Sản phẩm tiêu biểu” cho các sản phẩm mới kết hợp với cuộc thi sản phẩm thủ công.

4. Về khoa học, công nghệ và môi trường

a) Xây dựng chương trình quốc gia về khoa học công nghệ cho phát triển ngành nghề nông thôn; xây dựng chính sách khuyến khích các cơ quan, tổ chức và cá nhân nghiên cứu khoa học, nghiên cứu ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật và công nghệ mới trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển làng nghề, đặc biệt là các nghề truyền thống và phát triển nghề mới.

b) Ưu tiên đầu tư cho các cơ sở nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và công nghệ để phát triển làng nghề mới trong lĩnh vực bảo quản, chế biến nông, lâm, thủy sản; khuyến khích và đầu tư hỗ trợ cho các nghiên cứu, thử nghiệm sản phẩm mới trong các làng nghề.

c) Hỗ trợ kinh phí đối với cơ sở ngành nghề nông thôn thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học, đổi mới công nghệ thiết bị để bảo tồn, phát triển các làng nghề truyền thống, làng nghề mới và xử lý ô nhiễm môi trường làng nghề.

c) Có chính sách khuyến khích mọi tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đổi mới công nghệ phục vụ cho bảo tồn và phát triển ngành nghề, làng nghề; ban hành chính sách tạo điều kiện thuận lợi để các nghệ nhân trong làng nghề tham gia nghiên cứu khoa học, kể cả làm chủ các đề tài, dự án; khuyến khích, đầu tư 100% cho các đề tài khôi phục kỹ thuật truyền thống, hiện đại hóa công nghệ truyền thống và mở mang nghề mới từ nhiệm vụ khoa học, công nghệ trọng điểm cấp Nhà nước, các Bộ ngành và địa phương.

d) Về quản lý chất lượng sản phẩm, xây dựng một hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn quản lý chất lượng sản phẩm làng nghề, đặc biệt là sản phẩm chế biến, hàng thủ công mỹ nghệ... có ảnh hưởng đến sức khỏe người dân và môi trường.

Nguồn kinh phí bố trí hàng năm từ Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi giai đoạn 2011 – 2015 tại Quyết định số 1831/QĐ-TTg ngày 01 tháng 10 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ; các chương trình, dự án và nguồn vốn sự nghiệp khoa học của các Bộ, ngành có liên quan. Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt hàng năm.

5. Về chính sách đầu tư, tín dụng và thuế

a) Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng, đào tạo, xúc tiến thương mại, khoa học công nghệ, xử lý ô nhiễm môi trường... Xây dựng hệ thống tài chính có thể tiếp cận dễ dàng với ngân hàng; tăng cường liên kết với các tổ chức kinh tế, xã hội và các nhà tài trợ đầu tư để bảo tồn và phát triển làng nghề.

b) Khuyến khích mọi thành phần kinh tế tham gia đầu tư trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển làng nghề, đặc biệt là các dự án phát triển làng nghề gắn với du lịch và phát triển làng nghề mới; Các hợp tác xã, doanh nghiệp nhỏ và vừa ở làng nghề được vay vốn tín dụng theo quy định tại Nghị định số 41/2010/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ.

c) Các dự án đầu tư trong lĩnh vực bảo tồn và phát triển làng nghề được hưởng các ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị định số 61/2010/NĐ-CP ngày 04 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn và các văn bản hướng dẫn thi hành.

d) Được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế tài nguyên, thuế thu nhập cá nhân và các loại thuế có liên quan khác theo qui định để đầu tư sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực bảo tồn, phát triển làng nghề ở vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc và khôi phục, bảo tồn các nghề, làng nghề truyền thống.

e) Hỗ trợ kinh phí đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, xử lý môi trường cho các làng nghề truyền thống, các điểm phát triển làng nghề gắn với du lịch, các làng nghề truyền thống thuộc khu vực khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa theo qui định hiện hành.

6. Về xúc tiến thương mại

a) Hỗ trợ điều tra, khảo sát, nghiên cứu thị trường trong và ngoài nước đối với sản phẩm thủ công mỹ nghệ và các cơ sở ngành nghề nông thôn.

b) Các cơ sở ngành nghề nông thôn được nhà nước hỗ trợ hoạt động xúc tiến thương mại theo Chương trình xúc tiến thương mại quốc gia và các quy định có liên quan khác; xây dựng và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại ngành nghề nông thôn từ nguồn kinh phí xúc tiến thương mại hàng năm của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

c) Các cơ sở ngành nghề nông thôn được hỗ trợ kinh phí thuê gian hàng, chi phí vận chuyển và các chi phí có liên quan khác khi tham gia hội chợ, triển lãm trong và ngoài nước theo qui định hiện hành.

d) Các cơ sở ngành nghề nông thôn, doanh nghiệp sản xuất ngành nghề nông thôn nếu có dự án sản xuất kinh doanh hiệu quả sẽ được hưởng các chính sách ưu đãi về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu theo qui định hiện hành.

e) Đẩy mạnh áp dụng thương mại điện tử, hỗ trợ các cơ sở ngành nghề nông thôn, doanh nghiệp, làng nghề xây dựng hệ thống thông tin nhằm giới thiệu, quảng bá sản phẩm làng nghề; xây dựng thương hiệu, sở hữu trí tuệ, trước mắt tăng nguồn kinh phí hỗ trợ để thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin và sử dụng Internet nhằm quảng bá thương hiệu và các sản phẩm làng nghề.

f) Đầu tư xây dựng các chợ, cửa hàng, trung tâm ở địa phương có làng nghề, các trạm nghỉ ven đường quốc lộ hoặc ở các điểm du lịch, sân bay... để quảng bá giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm.

g) Khuyến khích thành lập các trung tâm nghiên cứu, thiết kế mẫu mã, sản phẩm mới phục vụ cho các cơ sở sản xuất theo định hướng đáp ứng nhu cầu nhập khẩu sản phẩm ngành nghề nông thôn của thị trường trong và ngoài nước.

h) Tổ chức thực hiện việc cung cấp thông tin thường xuyên về thị trường, những quy định về chất lượng, mẫu mã sản phẩm, thị hiếu tiêu dùng, các rào cản kỹ thuật để cơ sở ngành nghề nông thôn có cơ sở định hướng sản xuất, xuất khẩu phù hợp.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chế biến, Thương mại nông lâm thủy sản và nghề muối, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3.
- Bộ trưởng Cao Đức Phát (để b/c);
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, ngành có liên quan (để p/h);
- Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Các Vụ, Cục, Trung tâm có liên quan thuộc Bộ (để t/h);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (để t/h);
- Chi cục Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố (để t/h);
- Lưu: VT, CB.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Hồ Xuân Hùng